

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HS-ST
Ngày: 22-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Tất.

Bà Nguyễn Thị Kiều My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2017/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2017/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2017/HSST-QĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy K, sinh năm 1993 tại Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: ấp S, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T (đã chết) và bà Trần Thị V; đã chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn với chị Phạm Thị N, sinh năm 1992 (hiện nay không còn chung sống) và có 02 con: lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: bản án số 18/2015/HSPT ngày 11 tháng 02 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt Nguyễn Duy K 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: không; nhân thân: bản án số 143/2011/HSST ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Dương xử phạt Nguyễn Duy K 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị bắt, tạm giam ngày 27 tháng 3 năm 2017 (tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo lệnh tạm giam của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước), có mặt.

2. Đỗ Ngọc T, sinh năm 1996 tại Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: ấp 2, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn):

9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Đ và bà Lương Thị N; tiền án: bản án số 14/2016/HSST ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xử phạt Đỗ Ngọc T 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: không; nhân thân: Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương về việc áp dụng biện pháp đưa đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy vào cơ sở chữa bệnh đối với Đỗ Ngọc T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời gian chữa bệnh là 24 tháng tại Trung tâm Giáo dục Lao động – Tạo việc làm tỉnh Bình Dương; bị bắt, tạm giam ngày 21 tháng 3 năm 2017, có mặt.

- *Người bị hại:*

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959; nơi cư trú: tổ 5, ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Anh Lê Hoài T, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1993; nơi cư trú: tổ 3, ấp S, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1995; nơi đăng ký thường trú: thôn 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; nơi sinh sống: ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp S, xã Cây Trường II, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vụ thứ nhất: khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20 tháng 01 năm 2017, Nguyễn Duy K điều khiển xe mô tô hiệu Honda Cup 81 (không rõ biển số) đi từ nhà ra khu vực Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương để uống cà phê. Khi K đi đến chợ xã C thì gặp Nguyễn Tiến L xin đi nhờ, K đồng ý. Khi K và L đi đến đoạn đường thuộc ấp Ô, xã C thì K phát hiện có một giỏ xách màu đen đang để trên gác ba ga của xe mô tô hiệu Exciter, biển số 61G1-309.14 của ông Nguyễn Văn H nên K nảy sinh ý định chiếm đoạt. K nói với L: “Để anh lấy trộm giỏ xách đó”, L đồng ý. Sau đó, L đứng giữ xe cạnh giới còn K đi bộ đến xe mô tô Exciter lấy giỏ xách mang ra xe mô tô Cub 81 cùng L chạy đến bờ kênh P thuộc ấp 4, xã T, huyện B. Cả hai kiểm tra giỏ xách rồi lấy một máy cắt cầm tay hiệu Makita màu xanh, bỏ lại ba lưỡi sắt và một số giấy tờ tại bờ kênh. Sau đó, K bỏ L lại bờ kênh rồi mang máy cắt sắt đi bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch ở thành phố T, tỉnh Bình Dương với giá 300.000 đồng. K về chia cho L 80.000 nghìn đồng rồi K bỏ trốn

khỏi địa phương. Ông H sau khi phát hiện mất tài sản đã làm đơn trình báo lên Công an xã C.

Vụ thứ hai: khoảng 21 giờ ngày 28 tháng 02 năm 2017, K điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, biển số 93P1-111.48 (xe do K và T lén lút chiếm đoạt của người khác tại huyện C, tỉnh Bình Phước trước đó) chở T đi trên đường Quốc lộ 13, đến nhà anh Lê Hoài T thuộc ấp B, xã L, huyện B thì phát hiện một chiếc xe mô tô mi ni màu trắng không biển số dựng tại nhà xe nên cả hai nảy sinh ý định chiếm đoạt. K điều khiển xe mô tô đi đến trước nhà anh T và đứng cạnh giới, T đi bộ vào nhà xe quan sát không thấy có người trông giữ nên T mang xe mô tô ra chỗ K đứng đợi. Cả hai chở xe về nhà nghỉ M tại thị trấn C, huyện C cất giấu. Đến ngày 02 tháng 3 năm 2017, K mua sơn tự sơn lại xe mô tô này thành màu đỏ để sử dụng. Ngày 04 tháng 3 năm 2017, K cho anh Nguyễn Văn B mượn để sử dụng. Anh T sau khi phát hiện mất tài sản đã làm đơn trình báo lên Công an xã L.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo K và bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 12 tháng 5 năm 2017 (bút lục số 150), anh Nguyễn Văn Bằng nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng 01 xe mô tô mi ni (mô tô rùa) đã được sơn lại thành màu đỏ (không kiểm tra tình trạng xe). Đối với máy cắt cầm tay hiệu Makita màu xanh và 03 lưỡi cắt sắt của ông H không thu hồi được.

Theo Kết luận về việc định giá tài sản số 26/KL-HĐDG ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bàu Bàng (bút lục số 16): 01 máy cắt sắt cầm tay (máy mài cầm tay), hiệu Makita, đã qua sử dụng trị giá 900.000 đồng; 03 lưỡi cắt gạch, loại gắn vào máy cắt sắt cầm tay (máy mài cầm tay), hiệu Makita, chưa qua sử dụng trị giá 210.000 đồng. Tổng cộng là 1.110.000 đồng.

Theo Kết luận về việc định giá tài sản số 38/KL-HĐDG ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bàu Bàng (bút lục số 19): 01 xe mô tô mi ni, hiệu BMW, có đề khởi động, loại 49CC, đã qua sử dụng từ tháng 01 năm 2016 trị giá 2.950.000 đồng.

Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên.

Đối với hành vi của Nguyễn Tiến L, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 53/QĐ-XPVPHC ngày 29 tháng 7 năm 2017 của Công an huyện Bàu Bàng (bút lục số 191) đã xử phạt vi phạm hành chính đối với L số tiền 1.500.000

đồng vì đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, hình thức phạt bổ sung là truy thu 80.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Ông H không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Theo Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 31 tháng 5 năm 2017 (bút lục số 183), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã trả 01 xe mô tô mi ni tự chế bằng máy cắt cỏ (mô tô rùa) cho anh T. Anh T không có ý kiến gì.

Đối với số tiền 220.000 đồng do bị cáo K phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Cup 81, không rõ biển số mà bị cáo K sử dụng làm phương tiện phạm tội vào ngày 20 tháng 01 năm 2017: quá trình điều tra xác định xe mô tô này là của anh Nguyễn Văn T (anh của bị cáo), anh T không biết bị cáo sử dụng xe mô tô này làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với xe mô tô hiệu Exciter, biển số 93P1-111.48 mà bị cáo K và bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội vào ngày 28 tháng 02 năm 2017: xe mô tô này do các bị cáo chiếm đoạt tại tổ 1, ấp 2, xã T, huyện C, các bị cáo đã bị khởi tố, điều tra, truy tố và đang chờ xét xử, hiện các bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Chơn Thành theo quyết định tạm giam của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

- Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 38/QĐ-KSĐT ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố các bị cáo Nguyễn Duy K và Đỗ Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo K từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: buộc bị cáo K phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 220.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo K: bị cáo rất ăn năn, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về nuôi con.

Bị cáo T: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20 tháng 01 năm 2017, tại ấp Ô, xã C, huyện B, bị cáo K cùng với Nguyễn Tiến L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 máy cắt cầm tay hiệu Makita và 03 lưỡi cắt sắt của người bị hại H, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.110.000 đồng.

Khoảng 21 giờ ngày 28 tháng 02 năm 2017, tại ấp B, xã L, huyện Bàu Bàng, bị cáo K cùng với bị cáo T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô mi ni tự chế bằng máy cắt cỏ (mô tô rùa) của người bị hại T, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.950.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo K chiếm đoạt là 4.060.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị cáo T chiếm đoạt là 2.950.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự thì *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo phạm Tội trộm cắp tài sản. Cáo trạng truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu

tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Các bị cáo là những thanh niên với tuổi đời còn rất trẻ nhưng lại lười lao động. Để có tiền tiêu xài, các bị cáo đã thực hiện các hành vi phạm tội để chiếm đoạt tài sản của những người bị hại. Bị cáo K đã trực tiếp lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại H vào ngày 20 tháng 01 năm 2017. Hành vi phạm tội vào ngày 28 tháng 02 năm 2017 được thực hiện với tính chất đồng phạm gián đơn, cụ thể: cả hai cùng nảy sinh ý định chiếm đoạt, bị cáo T là người trực tiếp lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại T, bị cáo K với vai trò giúp sức, đứng canh giới, sau đó cả hai cùng mang xe mô tô mi ni chiếm đoạt được đến nơi cất giấu. Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện một cách liêu lĩnh, bất chấp bị phát hiện. Xét về yếu tố lỗi, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, có tiền án chưa được xóa án tích nhưng các bị cáo lại tiếp tục phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm, lần phạm tội trước đây của các bị cáo cũng cùng nhóm tội chiếm đoạt tài sản. Điều này thể hiện các bị cáo là đối tượng xem thường pháp luật, không biết hối cải. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

Bị cáo K và T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, tài sản đã thu hồi trao trả cho người bị hại T theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo K: theo bản án số 18/2015/HSPT ngày 11 tháng 02 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (bút lục số 87 đến 88), bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt 04 con gà mái tổng trọng lượng là 6,5kg trị giá chỉ 715.000 đồng, tuy nhiên do trước đó bị cáo đã bị kết án về tội chiếm đoạt chưa được xóa án tích (bản án số 143/2011/HSST ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Dương), đây là tình tiết định khung theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự nên bị cáo đã bị xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Trong vụ án này, bị cáo được xem đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo T cũng đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[6] Theo bản án hình sự sơ thẩm số 59/2017/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo K 12 tháng tù và bị cáo T 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội theo bản án trên được các bị cáo thực hiện tháng 3 năm 2017, sau hành vi phạm tội trong vụ án này (tháng 01 và tháng 02 năm 2017) nhưng được xét xử trước và bản án đã có hiệu L pháp luật. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo tại bản án này với hình phạt tại bản án hình sự sơ thẩm số 59/2017/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương. Buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án, thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

[7] Hiện các bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện tại huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước chưa xét xử nên Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là còn nhẹ, chưa đủ sức răn đe nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt cao hơn đối với các bị cáo. Xét tính chất, mức độ hành vi và vai trò của mỗi bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo K mức án cao hơn mức án của bị cáo T.

[9] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh L đã bị xử phạt vi phạm hành chính vì đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, xét phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xe mô tô hiệu Honda Cup 81, không rõ biển số mà bị cáo K sử dụng làm phương tiện phạm tội vào ngày 20 tháng 01 năm 2017 là của anh Thắng (anh của bị cáo), anh Thắng không biết bị cáo sử dụng xe mô tô này làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là đúng quy định của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Xe mô tô hiệu Exciter, biển số 93P1-111.48 mà bị cáo K và bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội vào ngày 28 tháng 02 năm 2017: xe mô tô này do các bị cáo chiếm đoạt tại tổ 1, ấp 2, xã T, huyện C, các bị cáo đã bị khởi tố, điều tra, truy tố và đang chờ xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu về bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô mi ni tự chế bằng máy cắt cỏ (mô tô rùa) đã được trả lại cho người bị hại T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về biện pháp tư pháp: cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc bị cáo K phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 220.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có.

[15] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 51 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy K và Đỗ Ngọc T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 12 (mười hai) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 59/2017/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo Nguyễn Duy K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc T 01 (một) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 09 (chín) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 59/2017/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo Đỗ Ngọc T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Về biện pháp tư pháp: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Duy K phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 220.000đ (hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Về án phí: áp dụng Điều 98 và Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23, Mục 1, Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo; người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên

